

Bản tin Phân tích kỹ thuật

28/10/2025

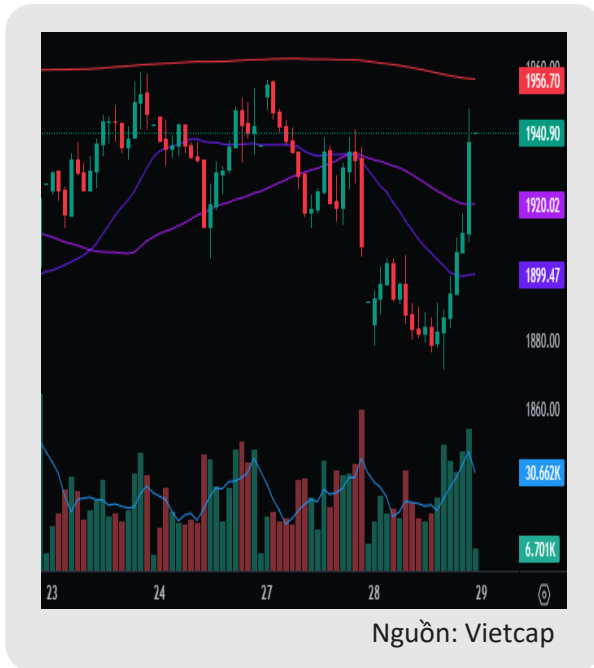
Vietcap 



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hợp đồng 41I1FB000 đóng cửa với tín hiệu tăng giá và đang có khuynh hướng kiểm định lại vùng giá cao 1.955 điểm. (M15)
- Vị thế mua được mở tại 1.935 điểm và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa dưới ngưỡng 1.925 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua (B): 1.935 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.956 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.925 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- Chỉ số VN-Index đảo chiều nhờ lực mua giá thấp quanh 1.620 điểm và đây là lần thứ hai chỉ số phản ứng Tích cực tại vùng này. Tất cả các rổ chỉ số còn lại đều thu hẹp hoàn toàn đà giảm nhờ lực cầu vùng thấp. Tuy nhiên, hoạt động mua trong ngày dù lắt nhắt nhưng vẫn ở mức thăm dò bởi mặt bằng thanh khoản chưa tăng so với các phiên trước. Tín hiệu trên rổ chỉ số VN30 nâng từ mức Tiêu cực lên Trung tính trong ngắn hạn.
- Hoạt động mua vùng thấp tập trung nhiều và đồng đều ở cổ phiếu Ngân hàng, Bất động sản, Công nghiệp, giúp cho các cổ phiếu thành phần (trên 50%) thiết lập được đà hồi phục hoặc làm chững lại áp lực điều chỉnh trước đó. Về tín hiệu kỹ thuật, ngành Bất động sản và Bán lẻ là các nhóm ngành giữ được cấu trúc xu hướng ổn định nhất trong giai đoạn điều chỉnh vừa qua.
- Chỉ số VN-Index phản ứng Tích cực với vùng 1.620 điểm, đóng cửa vượt kháng cự ngày (vùng 1.670-1.675 điểm), xóa bỏ quán tính giảm tạo ra bởi phiên 27/10 và củng cố đà tăng về vùng giá cao 1.695-1.730 điểm. Tuy nhiên, mặt bằng thanh khoản thấp vẫn duy trì trên tất cả các rổ chỉ số nên giai đoạn tăng giá về các vùng phía trên sẽ diễn ra kèm hoạt động giằng co bởi áp lực cung tồn đọng từ phiên điều chỉnh 20/10.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	220,100	2.85%	8.21%	848,049	5.047	3,487	5.9	63.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	29,450	4.06%	-2.97%	233,654	1.982	2,603	1.5	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	187,500	6.96%	4.17%	110,927	1.612	3,427	4.7	54.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FPT	102,200	4.29%	9.89%	174,098	1.558	5,280	4.9	19.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	36,000	2.71%	-4.38%	255,105	1.443	3,113	1.6	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VCB	60,000	1.35%	1.18%	501,341	1.414	4,148	2.4	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	84,200	3.95%	1.45%	124,486	1.027	3,955	4.0	21.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HDB	32,200	3.54%	-0.46%	123,788	0.914	4,076	2.0	7.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
STB	56,800	4.03%	2.16%	107,080	0.901	6,148	1.8	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,800	2.10%	0.00%	205,702	0.900	1,750	1.7	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BID	37,100	1.64%	0.13%	260,493	0.894	3,683	1.7	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	51,000	6.25%	-8.93%	46,022	0.600	2,313	2.9	22.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
LPB	52,800	1.73%	7.76%	157,728	0.571	3,469	3.6	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIB	19,200	4.07%	2.95%	65,357	0.555	2,218	1.5	8.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	35,850	3.02%	-7.12%	74,422	0.469	1,882	2.4	19.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SHS	23,900	3.91%	-3.63%	21,497	0.489	1,519	1.8	15.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,800	4.35%	11.26%	17,947	0.454	488	1.7	34.4	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
BAB	12,200	-6.15%	-6.87%	12,239	-0.438	1,154	1.0	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MBS	30,100	2.73%	2.03%	19,827	0.315	1,671	2.8	18.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	27,100	-2.52%	-5.24%	15,377	-0.225	354	2.5	76.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
NVB	14,800	-1.33%	-3.90%	28,485	-0.221	-4,957	4.4	-3.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	36,900	2.22%	3.94%	14,004	0.180	3,977	2.4	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	65,900	2.17%	0.76%	11,271	0.142	5,885	2.8	11.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	31,500	1.61%	8.62%	15,056	0.141	3,040	1.1	10.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	34,100	4.92%	11.80%	4,112	0.118	2,257	1.6	15.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

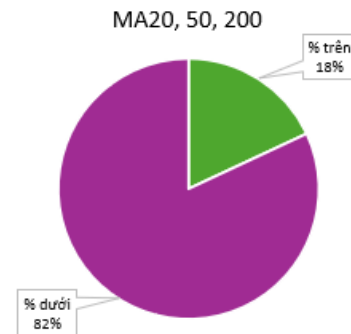
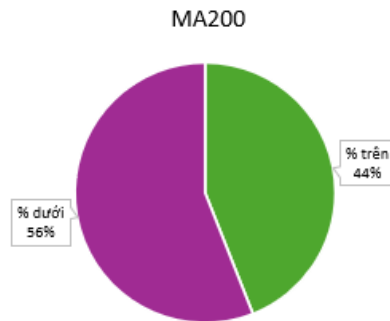
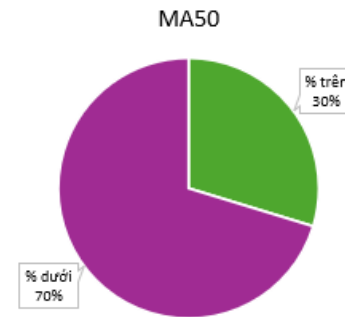
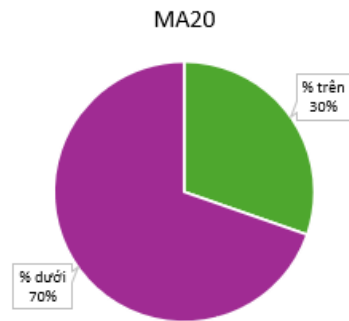
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	54,900	2.81%	6.60%	196,082	0.196	2,751	3.1	19.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGI	70,500	-0.84%	0.00%	213,049	-0.064	1,913	5.7	36.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MCH	149,900	0.67%	6.54%	158,114	0.038	7,722	9.9	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MVN	45,000	1.58%	-2.17%	53,918	0.030	1,312	4.1	34.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	65,000	1.40%	1.56%	47,955	0.024	4,405	4.6	14.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	23,100	-2.53%	-12.17%	24,632	-0.022	-389	2.1	-57.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SNZ	34,800	3.88%	7.74%	12,865	0.018	3,199	1.7	10.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KLB	16,900	4.32%	1.20%	9,668	0.015	2,609	1.3	6.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VEF	132,500	-1.78%	-12.29%	21,808	-0.014	96,612	3.3	1.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BRR	17,100	-13.20%	-1.16%	1,924	-0.009	1,590	1.3	10.8	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	220,100	2.9%	1086.2	758.7	39,900	219,000	5.9	63.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	52,800	1.7%	173.5	152.4	24,963	52,600	3.6	15.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	187,500	7.0%	686.8	383.1	79,100	184,000	4.7	54.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHG	108,100	1.5%	5.4	1.7	84,556	106,500	3.5	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	55,300	1.7%	25.6	5.6	33,590	54,400	1.8	10.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNP	18,700	12.0%	14.2	1.2	8,432	16,700	1.3	15.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ICT	19,250	6.9%	14.3	2.1	10,488	19,250	1.0	19.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HVH	14,100	4.1%	9.9	2.2	7,262	15,350	1.2	21.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TIG	8,000	8.1%	10.4	6.8	6,100	14,300	0.8	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			28/10/2025	27/10/2025	24/10/2025	23/10/2025	22/10/2025	21/10/2025	20/10/2025	17/10/2025	16/10/2025	15/10/2025
VNINDEX	MA200	Trên	52%	49%	49%	49%	49%	47%	45%	55%	58%	56%
		Dưới	48%	51%	51%	51%	51%	53%	55%	45%	42%	44%
	MA50	Trên	24%	24%	23%	23%	23%	20%	19%	32%	35%	32%
		Dưới	76%	76%	77%	77%	77%	80%	81%	68%	65%	68%
	MA20	Trên	30%	26%	24%	24%	23%	18%	15%	29%	34%	28%
		Dưới	70%	74%	76%	76%	77%	82%	85%	71%	66%	72%

VN30	MA200	Trên	67%	67%	67%	67%	63%	67%	63%	73%	73%	73%
		Dưới	33%	33%	33%	33%	37%	33%	37%	27%	27%	27%
	MA50	Trên	30%	20%	23%	23%	23%	23%	20%	47%	57%	60%
		Dưới	70%	80%	77%	77%	77%	77%	80%	53%	43%	40%
	MA20	Trên	40%	27%	33%	33%	27%	20%	13%	47%	67%	67%
		Dưới	60%	73%	67%	67%	73%	80%	87%	53%	33%	33%

HNX	MA200	Trên	45%	45%	44%	46%	45%	45%	45%	50%	51%	53%
		Dưới	55%	55%	56%	54%	55%	55%	55%	50%	49%	47%
	MA50	Trên	35%	34%	32%	32%	32%	31%	29%	34%	36%	35%
		Dưới	65%	66%	68%	68%	68%	69%	71%	66%	64%	65%
	MA20	Trên	45%	45%	44%	46%	45%	45%	45%	50%	51%	53%
		Dưới	55%	55%	56%	54%	55%	55%	55%	50%	49%	47%

UPCOM	MA200	Trên	29%	30%	28%	28%	27%	27%	28%	31%	29%	29%
		Dưới	71%	70%	72%	72%	73%	73%	72%	69%	71%	71%
	MA50	Trên	31%	33%	31%	30%	30%	31%	32%	34%	34%	34%
		Dưới	69%	67%	69%	70%	70%	69%	68%	66%	66%	66%
	MA20	Trên	40%	41%	40%	40%	40%	39%	39%	42%	43%	43%
		Dưới	60%	59%	60%	60%	60%	61%	61%	58%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 10																			
		28 ↓	27	24	23	22	21	20	17	16	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01
!	1 Bán lẻ	55	55	57	59	57	51	53	61	63	62	61	62	63	59	55	53	42	37	39	42
	2 Bảo hiểm	53	50	46	41	35	28	31	35	35	36	37	42	47	50	51	56	51	52	54	59
	3 Bất động sản	50	55	65	66	65	67	75	82	78	74	74	72	67	62	61	61	55	54	59	64
↘	4 Thực phẩm và đồ uống...	47	45	46	47	47	45	49	52	53	54	56	61	61	62	60	61	57	53	56	55
↘	5 Du lịch và Giải trí	47	47	48	47	47	45	47	53	56	58	58	59	54	54	55	45	40	38	47	47
	6 Hàng cá nhân & Gia...	44	37	30	28	27	22	24	29	28	27	28	32	33	31	31	33	26	25	26	28
↘	7 Ngân hàng	43	44	49	52	54	53	61	68	74	73	74	77	77	74	71	73	65	59	59	58
	8 Công nghệ Thông tin	43	35	30	29	29	20	14	14	16	18	21	24	29	30	29	31	29	29	28	30
↘	9 Tài nguyên Cơ bản	43	43	45	49	49	44	46	50	51	52	52	56	59	58	59	61	58	57	55	58
	10 Hàng & Dịch vụ Cón...	43	43	47	46	45	41	40	43	44	44	41	43	46	47	47	50	45	41	42	43
↘	11 Xây dựng và Vật liệu	42	44	47	51	51	52	56	59	55	55	58	62	63	62	63	62	56	56	59	62
	12 Điện, nước & xăng d...	38	31	32	36	31	25	27	35	36	36	39	41	43	44	44	45	45	45	48	50
!	13 Dầu khí	38	39	41	39	35	31	33	37	37	30	33	37	46	41	34	36	31	33	35	35
	14 Ô tô và phụ tùng	37	36	35	35	34	34	29	32	34	32	34	37	40	41	40	40	38	38	40	39
	15 Hóa chất	36	34	33	34	29	23	26	29	30	32	34	39	40	37	35	36	34	34	38	38
↘	16 Dịch vụ tài chính	31	30	39	44	47	48	53	60	60	59	60	62	61	62	63	63	51	44	49	50

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	220,100	2.9%	8.2%	848,049	5.9	63.1	3,487	1,086.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	149,900	0.7%	6.5%	158,114	9.9	19.4	7,722	72.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	187,500	7.0%	4.2%	110,927	4.7	54.7	3,427	686.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	180,000	1.2%	-0.6%	65,880	8.8	19.8	9,095	58.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	94,900	1.5%	9.2%	32,375	2.7	15.5	6,109	79.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	148,000	1.2%	7.1%	25,205	8.8	46.8	3,163	78.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHG	108,100	1.5%	6.9%	14,134	3.5	15.4	7,022	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	65,900	2.2%	0.8%	11,271	2.8	11.2	5,885	14.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HAH	59,900	7.0%	9.9%	10,115	2.5	9.1	6,602	263.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
CTD	93,300	7.0%	11.1%	9,463	1.1	20.4	4,565	187.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NT2	23,300	2.2%	9.1%	6,708	1.5	10.3	2,265	33.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	15,800	5.0%	9.3%	5,309	1.4	57.9	273	138.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MIG	17,050	-1.2%	6.9%	3,606	1.4	9.0	1,906	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	35,000	-1.0%	4.8%	3,381	1.6	11.9	2,948	12.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KHG	7,170	0.3%	3.9%	3,222	0.6	52.8	136	145.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LSG	35,800	5.6%	20.1%	3,152	3.2	-71.7	-488	11.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BMI	19,600	0.8%	5.7%	2,951	1.0	9.9	1,988	8.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VTZ	18,800	0.5%	3.9%	1,432	1.7	16.3	1,152	26.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHA	55,300	1.7%	7.2%	814	1.8	10.1	5,467	25.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NRC	6,800	0.0%	6.3%	630	0.6	-5.0	-1,353	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VEF	132,500	-1.8%	-12.3%	21,808	3.3	1.4	96,612	8.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BAF	31,350	-1.4%	-5.3%	9,531	2.2	15.8	1,981	75.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LCG	10,600	-5.4%	-9.4%	2,190	0.8	19.2	551	21.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HBC	6,300	3.3%	0.0%	2,120	1.2	11.3	539	10.9	Tiêu cực	-8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	17,750	1.1%	-4.3%	50,499	1.3	7.4	2,416	43.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCS	55,000	-0.2%	-1.6%	5,219	3.4	7.7	7,183	10.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HGM	281,000	0.0%	-6.3%	3,541	6.7	7.4	37,954	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
AAA	7,610	0.3%	0.8%	2,996	0.6	10.6	716	8.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AGG	16,250	0.9%	1.6%	2,641	0.8	10.7	1,524	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
AAS	9,500	0.0%	-2.1%	2,147	0.8	32.8	285	24.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NHA	20,750	1.2%	-0.5%	1,008	1.7	11.6	1,788	6.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
L14	32,000	0.6%	-0.3%	987	2.2	44.6	717	5.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAG	12,200	4.3%	-1.6%	471	1.0	13.2	923	16.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
LDG	3,880	-0.5%	-4.9%	992	0.9	-0.8	-4,693	9.6	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,000	1.4%	1.2%	501,341	2.4	14.5	4,148	166.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,100	1.6%	0.1%	260,493	1.7	10.1	3,683	103.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	38,200	2.1%	1.3%	27,603	2.2	24.0	1,589	300.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	47,300	1.2%	4.9%	21,207	2.3	15.3	3,090	36.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HSG	16,850	1.5%	1.5%	10,464	0.9	22.4	751	50.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	25,800	1.0%	0.4%	9,930	1.3	6.3	4,124	56.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
IDC	36,900	2.22%	3.94%	56,100	55.4%	3,977	2.4	9.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,500	1.61%	8.62%	45,000	45.2%	3,040	1.1	10.4	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,400	-2.90%	-6.94%	20,000	44.9%	(1,960)	0.7	-6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	33,500	3.08%	5.51%	47,100	44.9%	716	2.1	46.8	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
SZC	30,250	0.83%	1.51%	42,400	41.3%	1,763	1.7	17.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	36,650	-0.41%	-0.27%	51,600	40.2%	1,694	1.8	21.6	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PC1	22,400	0.45%	-0.44%	31,100	39.5%	1,189	1.4	18.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	54,900	2.81%	6.60%	74,300	39.1%	2,751	3.1	19.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VGC	47,300	1.18%	4.88%	64,100	37.1%	3,090	2.3	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	94,000	1.18%	5.38%	126,000	35.6%	8,296	2.3	11.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SIP	55,000	0.92%	6.80%	73,900	35.6%	5,215	2.8	10.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	34,800	1.16%	2.96%	46,600	35.5%	3,186	1.8	10.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	19,600	0.77%	5.66%	26,200	34.7%	1,988	1.0	9.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
HPG	26,800	2.10%	0.00%	35,300	34.5%	1,750	1.7	15.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DXS	10,800	2.37%	1.41%	14,100	33.6%	566	1.0	19.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	60,000	1.35%	1.18%	77,600	31.1%	4,148	2.4	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	29,450	4.06%	-2.97%	37,000	30.7%	2,603	1.5	11.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	43,300	1.88%	-0.46%	55,200	29.9%	2,518	2.1	17.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	35,700	4.85%	5.93%	43,900	28.9%	1,065	1.9	33.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	79,000	0.64%	1.28%	101,200	28.9%	2,196	3.4	36.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn